

Bản án số: 83/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 18-12-2024  
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Mai Thị Thu Hương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Như Cường

2. Bà Hà Thị Minh Quế

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trọng Hiếu - Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên tham gia phiên tòa:**  
Ông Ngô Chí Cường - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 12 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: số: 245/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2024. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29-11-2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bàn Thị B, sinh năm 1996 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện V, tỉnh Yên Bái;

2. Bị đơn: Anh Vi Văn N, sinh năm 1992 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện V, tỉnh Yên Bái;

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/11/2024, bản tự khai, nguyên đơn chị Bàn Thị B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vi Văn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Yên Bái vào ngày 03/8/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống cùng bố mẹ chồng tại thôn T, xã L, huyện V, tỉnh Yên Bái. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Từ đó vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau.

Nay chị B xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái giải quyết cho chị được ly hôn anh N.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Vi Văn D sinh ngày 23/5/2011 và Vi Thị M sinh ngày 21/4/2013 hiện hai con đang ở cùng anh N và ông bà nội. Hiện nay các con đã lớn, nguyện vọng của các con muốn ở với ai chị đều nhất trí.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai đề ngày 21/11/2024 anh Vi Văn N trình bày: Về thời điểm kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng đúng như chị B trình bày. Nay chị B làm đơn xin ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhất trí ly hôn. Về con chung: Có 02 con chung là Vi Văn D sinh ngày 23/5/2011 và Vi Thị M sinh ngày 21/4/2013. Hiện nay cả hai con đang sinh sống cùng anh và ông bà nội. Ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi cả hai con không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con.

Ngày 27/11/2024 cháu Vi Văn D và Vi Thị M có đơn nguyện vọng có xác nhận của chính quyền địa phương gửi Tòa án xác định nếu bố mẹ ly hôn thì nguyện vọng của các cháu là được ở với bố và ông bà nội.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái đã báo gọi, thông báo về phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải; trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho anh Vi Văn N nhưng anh N không có mặt và có đơn đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vắng mặt anh tại tất cả các buổi làm việc, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và xét xử vắng mặt anh tại phiên tòa.

Do anh N không có mặt theo thông báo của Tòa án, đồng thời nguyên đơn chị Bàn Thị B có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bàn Thị B; Xử cho chị Bàn Thị B được ly hôn anh Vi Văn N, giao con là Vi Văn D sinh ngày 23/5/2011 và Vi Thị M sinh ngày 21/4/2013 cho anh Vi Văn N trực tiếp chăm sóc, giáo dục cho đến khi các con đủ 18 tuổi, chị B không phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: chị B, anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc chị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Anh Vi Văn N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã L, huyện V, tỉnh Yên Bái. Căn cứ Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1

Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

Nguyên đơn chị Bàn Thị B và bị đơn anh Vi Văn N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Bàn Thị B và anh Vi Văn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Yên Bái vào ngày 03/8/2015 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Từ năm 2023 đến nay chị B và anh N đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành báo gọi các đương sự đến hòa giải nhưng anh N từ chối không đến Tòa án. Chị B, anh N đều xác định vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay không còn quan tâm đến nhau. Điều đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa chị B và anh N đã thực sự trầm trọng, đời sống chung thực tế không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó có căn cứ cho chị B được ly hôn anh N theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Chị Bàn Thị B và anh Vi Văn N có 02 con chung là Vi Văn D sinh ngày 23/5/2011 và Vi Thị M sinh ngày 21/4/2013. hiện cả hai con đang sống cùng với anh N. Ly hôn, chị B xác định các con đã lớn nguyện vọng của các con muốn ở với ai chị đều nhất trí. Anh Vi Văn N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả hai con, không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng để đảm bảo sự ổn định về cuộc sống và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con và theo nguyện vọng của cháu D và cháu M, cần giao hai con cho anh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Anh Vi Văn N không yêu cầu chị B phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị Bàn Thị B và anh Vi Văn N đều xác định vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản chung, nợ chung. Vì vậy, Tòa án không đặt ra giải quyết quan hệ về tài sản chung và nợ chung.

[5] *Về án phí*: Chị Bàn Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử được chấp nhận.

[7] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bàn Thị B được ly hôn với anh Vi Văn N.

2. Về con chung: Giao hai con là Vi Văn D sinh ngày 23/5/2011 và Vi Thị M sinh ngày 21/4/2013 cho anh Vi Văn N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Chị Bàn Thị B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Bàn Thị B phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn được khấu trừ vào 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/0001146 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái ngày 08-11-2024 (xác nhận chị B đã nộp đủ).

4. Quyền kháng cáo: Chị Bàn Thị B và anh Vi Văn N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

*Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Văn Yên;
- Chi cục THADS huyện Văn Yên;
- UBND xã Lâm Giang, huyện Văn Yên;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA; HCTP.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Mai Thị Thu Hương**

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**H**